

HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG NỀN TẢNG HỌC LIỆU MỞ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC CỦA HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Vương Toàn¹

Giới thiệu về Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Bên cạnh chức năng nghiên cứu cơ bản về khoa học xã hội (KHXH), Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam còn được giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học về KHXH, trước kia được thực hiện ở các Viện chuyên ngành, nay tập trung về Học viện KHXH. Mới đây (tháng 4/2015), có thêm Campus Hà Nội hoạt động trong khuôn khổ dự án hợp tác giữa Viện KHXH Việt Nam và Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF), với mục đích xây dựng và phát triển bền vững các chương trình đào tạo tiến sĩ, bằng tiếng Pháp, trong lĩnh vực KHXH.

Thực hiện chính sách ưu tiên phát triển kỹ thuật công nghệ số trong giáo dục và đào tạo của AUF, Campus Hà Nội sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ giáo dục trong giảng dạy đại học, nghiên cứu và hỗ trợ xây dựng các chương trình đào tạo tiên tiến. Và đây cũng là có thêm cơ hội thuận lợi cho việc xây dựng nền tảng học liệu mở phục vụ công tác đào tạo sau đại học ở Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

¹ PGS. TS., Nguyên Phó Viện trưởng, Viện Thông tin Khoa học Xã hội.

Thư viện KHXH - do Viện Thông tin KHXH quản lý - được xác định là cơ quan đứng đầu hệ thống các thư viện của Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam. Căn cứ vào thực trạng hiện tại của Thư viện Học viện và các thư viện chuyên ngành, bài viết cho thấy một trong những hoạt động nghiệp vụ cần hướng vào là đề xuất chính sách, tạo lập cộng đồng và phát triển giải pháp công nghệ thống nhất cho sự hình thành và khai thác học liệu mở, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa công tác đào tạo sau đại học ở nơi đây.

1. ĐÔI NÉT VỀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC Ở VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

Bên cạnh chức năng nghiên cứu cơ bản về khoa học xã hội (KHXH), Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Viện Hàn lâm) còn được giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học về KHXH, tham gia phát triển tiềm lực KHXH của cả nước⁽¹⁾. Chức năng đào tạo nay tập trung về Học viện KHXH (dưới đây gọi tắt là Học viện), được thành lập theo Quyết định số 35/QĐ-TTg ngày 10/1/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, **Học viện** là cơ sở giáo dục có chức năng và nhiệm vụ chính là đào tạo và cấp văn bằng thạc sĩ (ThS) và tiến sĩ (TS) về KHXH, và cũng từ đây, nó đảm nhiệm việc quản lý thống nhất các hoạt động đào tạo sau đại học của các cơ sở đào tạo (đã hoạt động trước đây, vốn là các viện chuyên ngành hay khu vực) thuộc Viện Hàn lâm.

Hiện nay, tại Học viện đang có trên 3.000 học viên cao học và trên 1.000 nghiên cứu sinh đang học tập và nghiên cứu, tại ba địa điểm: Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong số các nhiệm vụ và quyền hạn của Học viên, ngoài việc quản lý thống nhất các hoạt động đào tạo sau đại học của các đơn vị thuộc

¹ <http://www.gass.edu.vn/vi/news/Gioi-thieu/Gioi-thieu-Hoc-vien-khoa-hoc-xa-hoi-17>.

Viện Hàn lâm, liên quan đến việc xây dựng học liệu cho đào tạo là các nhiệm vụ 3, 5 và 16. Cụ thể như sau:

- Xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy, học tập đối với các ngành nghề Học viện được phép đào tạo trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (nhiệm vụ 3).
- Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động đào tạo khác theo mục tiêu, chương trình đào tạo; xác nhận hoặc cấp văn bằng chứng chỉ theo thẩm quyền (nhiệm vụ 5).
- Trao đổi thông tin khoa học với các tổ chức và cá nhân hoạt động khoa học trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; xây dựng và quản lý tư liệu, thư viện của Học viện, xuất bản các ấn phẩm khoa học; phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học và truyền bá kiến thức khoa học với quảng đại quần chúng theo quy định của pháp luật (nhiệm vụ 16) ⁽¹⁾.

Phát biểu tại buổi lễ Lễ Khai giảng thạc sĩ đợt 2 năm 2015, PGS.TS. Hồ Việt Hạnh, Phó Giám đốc Học viện cho biết Học viện đã, đang và sẽ chuẩn bị những điều kiện thuận lợi nhất cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu của giảng viên và học viên ⁽²⁾.

2. HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG NỀN TẢNG HỌC LIỆU MỞ PHỤC VỤ CHO ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC CỦA HỌC VIỆN

2.1. Học liệu mở cần cho đổi mới giáo dục

Học liệu (learning resources) là tài liệu phục vụ học tập (và nghiên cứu), bao gồm: giáo trình, (tập) bài giảng, sách chuyên khảo, bài nghiên

¹ <http://www.vass.gov.vn/noidung/gioithieu/cocautochuc/Pages/thong-tin-don-vi.aspx?ItemID=141&PostID=79>.

² <http://www.gass.edu.vn/Detail.aspx?ArticleID=2666&TenBai=Hoc-vien-Khoa-hoc-xa-hoi-to-chuc-Le-khai-giang-cao-hoc-dot-II-nam-2015&CatdID=209&CatdIDParent=209>.

cứu chuyên ngành (công bố tại hội thảo khoa học hay trên tạp chí khoa học); luận án (TS), luận văn (ThS), khóa luận (CN); báo cáo điện dã/ thực tế/ thực tập; tổng thuật, lược thuật, tóm tắt thư mục phục vụ cho công tác đào tạo, nói cách khác là cho việc dạy và học nói chung.

Trong bài viết chung, nhóm tác giả Trần Thị Quý – Đỗ Văn Hùng – Phạm Tiến Toàn (2014) cho ta thấy tương ứng với ba hoạt động chính của một cơ sở giáo dục đại học là ba thực thể quan trọng: giáo viên, sinh viên và học liệu (tr. 497). Theo đó, vai trò của học liệu là “đảm bảo cung cấp thông tin/tri thức cho giảng viên, sinh viên một cách đầy đủ, cập nhật, chính xác, phù hợp với nhu cầu của họ... Vì vậy, học liệu phải không ngừng được bổ sung, phát triển cả số lượng và chất... để giảng viên và sinh viên tiếp cận nguồn học liệu nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ để nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học” (tr. 499).

Đề cập đến việc **Đa dạng hóa loại hình đào tạo để tận dụng học liệu mở**, TS Phạm Đình Trực (2007), từ ĐH Quốc gia TP.HCM, cho rằng “Học liệu mở là một hình thức giảng dạy và học tập tích cực, được áp dụng ở nhiều trường đại học trên thế giới. Qua đó, kiến thức từ người thầy được truyền bá đến sinh viên nhờ các tài liệu được đưa lên mạng, các trao đổi tương tác giữa thầy và trò được quy trình hoá thành các câu hỏi, bài tập, bài trắc nghiệm, email...”

Đối với nước ta, đây là một hình thức khá mới mẻ, bắt đầu được biết đến và triển khai gần đây, một mặt để nâng cao hiệu năng học tập và giảng dạy, mặt khác dần dần hoà nhập với quốc tế với các chuẩn đánh giá thống nhất.

Đối với sinh viên, học liệu mở cung cấp thêm nguồn tư liệu quý và khách quan trong học tập, kích thích sự năng động sáng tạo của bản thân sinh viên. Đối với giảng viên và nhà nghiên cứu, học liệu mở là môi trường giao tiếp kiến thức, hoàn thiện bài giảng, trao đổi trực tiếp và thân thiện với người học”.

Tiếp sau hàng tit: Học liệu mở: Cách mạng về ý tưởng giáo dục ĐH, là lời dẫn của tòa soạn: “Học liệu mở (OpenCourseWare - OCW), cùng với truyền thông đa phương tiện, không chỉ là cuộc cách mạng trong ý tưởng mà sẽ tiếp tục có tác động lớn tới giáo dục đại học. Bà Cecilia d’Oliveira, Giám đốc điều hành dự án học liệu mở của Viện Công nghệ Massachusset (MIT - Mỹ) cho biết như vậy trong cuộc trò chuyện với Tổng Biên tập báo điện tử *VietNamNet* Nguyễn Anh Tuấn, trước ngày ra mắt trang tin học liệu mở này tại Việt Nam” ⁽¹⁾.

Một số trích dẫn ở trên cốt chỉ ra rằng học liệu mở đã đến Việt Nam gần mười năm nay rồi, song với nhiều cơ sở đào tạo như Học viện thì dường như người ta còn ít nói đến nó và coi nó như cuộc “cách mạng”, dù trong thực tế, người ta đã và đang xây dựng nền tảng học liệu mở cho công tác đào tạo sau đại học, ít nhiều gắn với việc đề xuất chính sách, tạo lập cộng đồng và phát triển giải pháp công nghệ thích hợp.

Ở tầm quốc gia, lễ ra mắt Trang tin điện tử Học liệu mở Việt Nam vào sáng 12/12/2007 quả là đã đánh dấu một mốc quan trọng trong sự phát triển của chương trình Học liệu Mở Việt Nam. Chương trình được bắt đầu từ năm 2005 với sự phối hợp của ba tổ chức chính là VEF, Bộ Giáo dục - Đào tạo và Công ty Phần mềm và Truyền thông VASC. Mục tiêu của chương trình là tạo điều kiện cho người dùng Việt Nam tiếp cận các tài liệu giảng dạy và học tập có sẵn trực tuyến và miễn phí với chất lượng cao, cập nhật từ nguồn học liệu mở có sẵn từ các trường ĐH hàng đầu trên thế giới. Chương trình sẽ cung cấp nguồn Học liệu Mở có nội dung phong phú, có khả năng sử dụng, tái sử dụng và miễn phí đến trước tiên với môi trường giảng dạy, nghiên cứu và tiếp theo là mọi đối tượng tại Việt Nam.

Vận dụng vào bài viết này, xin được nêu ví dụ dẫn chứng có liên quan đến học liệu phục vụ đào tạo sau đại học về ngôn ngữ học là

¹ VietNamNet (11/12/2007).

chuyên ngành mà tác giả có may mắn tham gia, không chỉ ở Học viện mà cả ở các cơ sở đào tạo khác, như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Hà Nội.

2.2. Hiện trạng học liệu phục vụ cho đào tạo sau đại học của Học viện

Do hoạt động của Học viện được tổ chức như đã nói ở phần trên, học liệu phục vụ đào tạo sau đại học của Học viện không chỉ có ở Thư viện Học viện KHXH mà còn phân tán ở thư viện các viện chuyên ngành hay khu vực, Viện Thông tin KHXH cũng như Thư viện điện tử, và gần đây là Campus Hà Nội, cùng trực tiếp thuộc Viện Hàn lâm. Chúng tôi đã có dịp nói đến sự phi tập trung hóa tài nguyên thông tin ở đây (Vương Toàn, 2010).

Thư viện Học viện KHXH có tên đầy đủ là Trung tâm Thông tin – Tư liệu – Thư viện; từ đây, gọi tắt là Thư viện Học viện. Đặt trong hệ thống các thư viện thuộc Viện Hàn lâm, Thư viện Học viện ra đời theo Quyết định số 231/QĐ-HVKHXH ngày 18/4/2011 của Giám đốc Học viện. Đối tượng phục vụ của Thư viện Học viện bao gồm cán bộ giảng dạy và học viên cao học, nghiên cứu sinh và những người đang ôn tập chuẩn bị đăng kí theo học chương trình sau đại học tại 21 Khoa của Học viện, thực hiện chức năng phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Thông tin – Tư liệu – Thư viện; triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm tổ chức, xây dựng, quản lý và khai thác có hiệu quả nguồn Thông tin – Tư liệu của Thư viện Học viện; hướng dẫn và quản lý công tác quyền sở hữu trí tuệ của Học viện.

Có thể hình dung thực trạng về Thư viện Học viện qua những số liệu thống kê (tháng 6/2014) dưới đây về kho tài liệu ở đây:

- Sách Việt: 2869 cuốn
- Sách Latinh: 357 cuốn

- Luận án TS: 380 cuốn
- Luận văn ThS: 1256 cuốn
- Tạp chí, báo chuyên ngành: 23 chuyên ngành, 38 tên; với 8.564 số
- Cơ sở dữ liệu (CSDL) nội sinh: 4.862 biểu ghi

Đồng thời, tại đây có khả năng truy cập vào các CSDL của các viện chuyên ngành, với khoảng 102.000.000 biểu ghi.

Với số cán bộ có trình độ đại học chuyên ngành thư viện chỉ là $\frac{1}{4}$ và số cán bộ thư viện có trình độ trên đại học (thuộc chuyên ngành khác) cũng chỉ là $\frac{1}{4}$ thì hẳn là trình độ chuyên môn nghiệp vụ về kỹ năng khai thác và cung cấp thông tin chưa đủ đáp ứng được yêu cầu phục vụ của người dạy và người học.

Hàng ngày có khoảng trên dưới 20 bạn đọc đến khai thác. Số người đăng ký sử dụng máy hầu như là toàn bộ bạn đọc, trong khi Thư viện Học viện hiện mới có 7 máy tính, nên mới có 3 máy dành cho đọc giả tra cứu tại chỗ. Mạng LAN chưa được xây dựng, nhưng hiện đã có đường truyền internet tốc độ cao.

Nhìn vào số lượng trang thiết bị và kho Thông tin, chúng ta có thể thấy rằng hiện nay Thư viện Học viện chỉ phục vụ tài liệu dưới dạng truyền thống, chưa thể phục vụ các dạng khác như tài liệu điện tử và đa phương tiện. Bởi vậy, thực sự là mới chỉ đáp ứng được một phần yêu cầu của người học, cán bộ giảng dạy, các nhà nghiên cứu và các học giả đến với Thư viện.

Từ thực trạng trên, Thư viện Học viện đã có một số kiến nghị như việc xây dựng kho tư liệu điện tử và đa phương tiện và mong rằng để án “thư viện điện tử” mà Thư viện xây dựng trong năm 2013 sẽ sớm triển khai. Để góp phần phục vụ việc đào tạo sau đại học ở Học viện, rõ ràng là cần ứng dụng những thành quả tiên tiến của công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện: coi việc phát triển học liệu mở như một loại tài nguyên

thông tin đặc thù ở Thư viện Học viện, nhằm chuyển dần các hoạt động của thư viện từ phương thức thủ công truyền thống sang tự động hóa.

Thêm nữa là cần xây dựng mối quan hệ liên thông giữa các thư viện trong Viện Hàn lâm: Hệ thống mạng Internet của Học viện đã được xây dựng và nâng cấp. Thư viện Học viện đang xây dựng mối quan hệ trao đổi nguồn thông tin với các thư viện chuyên ngành trong Viện Hàn lâm để hình thành kho tài nguyên thông tin phong phú: ngoài CSDL nội sinh, người dùng tin có thể truy cập vào các CSDL của các viện chuyên ngành, với khoảng 102 triệu biểu ghi¹.

Đáng chú ý là trực thuộc Viện Hàn lâm còn có một Thư viện điện tử - Kho tin ở địa chỉ <https://vass.gov.vn/Pages/timkiem-op.aspx>. Người dùng tin có thể trực tiếp truy cập vào địa chỉ này để tìm kiếm thông tin thư mục theo từ khóa.

Mới đây, có thêm Campus Hà Nội (CNFp) - khai trương chính thức ngày 22/04/2015 - hoạt động trong khuôn khổ dự án hợp tác giữa Viện Hàn lâm và Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF), với mục đích xây dựng và phát triển bền vững các chương trình đào tạo TS, bằng tiếng Pháp, trong lĩnh vực KHXXH. Được biết: Thực hiện chính sách ưu tiên phát triển kỹ thuật công nghệ số trong giáo dục và đào tạo của AUF, CNFp sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ giáo dục trong giảng dạy đại học và nghiên cứu và hỗ trợ xây dựng các chương trình đào tạo tiên tiến, CNFp là trung tâm số nên chủ yếu khai thác các dữ liệu số qua mạng Internet. CNFp có thư viện số ở địa chỉ <http://auf.scholarvox.com/>, với hàng ngàn tư liệu đã được số hóa. Sau khi đăng ký làm thẻ, các thành viên sẽ được tạo một tài khoản miễn phí để truy cập và đọc tất cả các tài liệu này. Một không gian dành cho cộng đồng Đại học Pháp ngữ được mở ra với ý tưởng CNFp không chỉ là nơi gặp gỡ, trao đổi và hợp tác giữa sinh viên, giáo viên, nghiên cứu viên, mà còn là nơi hỗ trợ đổi mới nghiên cứu khoa học và phương pháp sư phạm.

¹ Số liệu năm 2012, do Mai Kim Hạnh - Phó Giám đốc Thư viện Học viện cung cấp.

Như thế, các Khoa thuộc Học viện và các trường, các khoa KHXXH ở Việt Nam và khu vực cũng sẽ được hưởng lợi từ Dự án này. Và cũng từ đây, có thêm cơ hội thuận lợi cho việc xây dựng nền tảng học liệu mở phục vụ công tác đào tạo sau đại học ở Viện Hàn lâm.

Như trên đã nói, tại các viện chuyên ngành hay khu vực thuộc Viện Hàn lâm đều có phòng thông tin – thư viện riêng, phục vụ cho nghiên cứu và đào tạo. Song việc cung cấp cả bài viết (full text) mới chỉ có ở một số thư viện như Viện Nghiên cứu Hán Nôm...

Nhìn chung, việc khai thác học liệu chủ yếu vẫn còn theo phương pháp truyền thống, có nghĩa là học viện và nghiên cứu sinh phải trực tiếp đến đọc hoặc mượn tài liệu về đọc. Tuy các viện chuyên ngành hay khu vực đều có trang điện tử riêng, song người dùng tin thường chỉ khai thác trên mạng được thông tin thư mục về tên bài tạp chí, tên luận văn, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, có thể có tóm tắt kèm theo.

Chẳng hạn như ta thấy ở Thư viện Viện Ngôn ngữ học - ra đời ngay sau khi Viện Ngôn ngữ học được thành lập năm 1968. Trải qua 45 năm xây dựng và phát triển, đến nay Thư viện đã có được một kho tư liệu khá phong phú, phục vụ tốt việc nghiên cứu cũng như đào tạo, bồi dưỡng ngôn ngữ học của Viện Ngôn ngữ học nói riêng, của Ngành Ngôn ngữ học nói chung cùng các chuyên ngành có liên quan. Hiện nay Thư viện sử dụng hệ thống quản lý dữ liệu bằng 2 chương trình CDS/ISIS và WinISIS với hơn 20 ngàn biểu ghi bằng tiếng Nga, tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Hán (bao gồm sách, bài trích sách, bài trích tạp chí, bài viết về ngôn ngữ (học) đăng trên các báo... bằng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Hán). Với hệ thống công nghệ thông tin này, Thư viện đã quản lý được các công trình nghiên cứu khoa học của cán bộ trong Viện qua nhiều thế hệ¹.

¹ <http://vienngonnguhoc.gov.vn/?act=Library&do=Detail&nid=98>.

Về kho học liệu phục vụ cho đào tạo của Học viện, còn phải nói đến Thư viện KHXXH - do Viện Thông tin KHXXH quản lý. Với CSDL thư mục hiện có trên 600.000 biểu ghi và tài nguyên số có trên 700.000 trang tài liệu đã số hóa⁽¹⁾, Thư viện này không chỉ phục vụ người dùng tin (NDT) thuộc Viện Hàn lâm, tại đây, có thể:

- Tra cứu, tìm kiếm và cung cấp tài liệu theo yêu cầu.
- Cung cấp các CSDL, danh mục ấn phẩm thông tin theo yêu cầu.
- Tra cứu, tìm kiếm và cung cấp thông tin từ một số CSDL toàn văn về KHXXH và nhân văn trên mạng.

Thêm nữa là NDT còn có thể nghiên cứu các tài liệu khoa học online (được các tổ chức khoa học thế giới cho phép truy cập)².

Hiện nay, toàn bộ CSDL thư mục của Thư viện KHXXH gồm hơn 600.000 biểu ghi đã được tích hợp trên OPAC (Online Public Access Catalog) và số liệu này ngày càng tăng theo số lượng tài liệu được bổ sung hàng năm tại Thư viện KHXXH và các thư viện thành viên thuộc Viện Hàn lâm. Bạn đọc ở mọi nơi, mọi lúc tại Việt Nam và trên thế giới đều có thể truy cập vào trang OPAC của Thư viện KHXXH có địa chỉ là <http://opac.issi.vass.gov.vn/> để tìm kiếm tài liệu với cách thức đơn giản và tiện dụng³.

2.3. Hướng tới xây dựng nền tảng học liệu mở phục vụ cho đào tạo của Học viện

Căn cứ vào thực trạng hiện tại như đã trình bày ở phần trên, chúng ta nhận thấy một trong những hoạt động nghiệp vụ thông tin – thư viện cần hướng vào ở Viện Hàn lâm là đề xuất thành chính sách, tạo lập cộng đồng và phát triển giải pháp công nghệ thống nhất cho sự

¹ http://opac.issi.vass.gov.vn/*vie.

² http://issi.vass.gov.vn/noidung/thuviendienstu/Lists/Phucvuthuvien/View_Detail.aspx?ItemID=3.

³ http://issi.vass.gov.vn/noidung/tintuc/Lists/HanhChinhToChuc/View_Detail.aspx?ItemID=258.

hình thành và khai thác học liệu mở, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa công tác đào tạo sau đại học của Học viện.

Trước hết, phải nói đến việc cần số hóa những Tập bài giảng sau đó đã được nâng cấp thành giáo trình sử dụng cho nhiều thế hệ người học, thể hiện ở việc sách được tái bản nhiều lần (có thể ở các Nhà xuất bản khác nhau, song đều có chức năng phục vụ đào tạo).

Chẳng hạn như công trình Tìm hiểu đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt (trong sự so sánh với những dân tộc khác) (H., Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002, 390 tr.) đã được tái bản nhiều lần có chỉnh lý và bổ sung và in ở 2 Nhà xuất bản (Từ điển bách khoa – nay đã giải thể - và Khoa học Xã hội).

Được biết công trình này - của GS.TS. Nguyễn Đức Tồn, nguyên Chủ nhiệm Khoa Ngôn ngữ học của Học viện, nguyên Viện trưởng Viện Ngôn ngữ học - không chỉ được sử dụng ở Học viện. Sách này đã được sử dụng làm giáo trình sau đại học tại các cơ sở đào tạo: Khoa Ngôn ngữ học, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội; Khoa Ngữ văn các trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Thái Nguyên, Đại học Hải Phòng và Đại học Khoa học Huế; Khoa Khoa học Xã hội, Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa.

Sau khi chuyên luận vẫn được tái bản (2015), GS.TS. Đỗ Việt Hùng (Đại học Sư phạm Hà Nội) đã có bài giới thiệu¹ trong đó có nhận xét rằng “không chỉ đặt nền tảng cho một lĩnh vực nghiên cứu mới. công trình này còn có nhiều đóng góp to lớn cho lí luận ngôn ngữ học Việt Nam và thế giới” (tr.72) thể hiện ở 10 điểm “có thể coi là những phát hiện hoàn toàn mới, mang tính cách mạng trong lĩnh vực ngôn ngữ học nói riêng, và cả đối với lĩnh vực KHXH và nhân văn nói chung” (tr.73), từ sự phân biệt rạch ròi: nhận thức” và “bản thể” (tr. 80).

¹ Đỗ Việt Hùng, *Chuyên luận* “Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy”: Một đóng góp lớn cho lí luận ngôn ngữ học”. Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 10, 2015, tr. 72-80.

Những giáo trình cơ bản tương tự đã được sử dụng để giảng dạy ở nhiều cơ sở đào tạo cùng chuyên ngành này cũng nên được số hóa dưới dạng sách điện tử, hoặc đưa vào CSDL phục vụ ở thư viện dưới dạng học liệu mở. Chẳng hạn như các giáo trình đại cương về ngôn ngữ học của cố GS.TS. Đỗ Hữu Châu và GS.TS. Bùi Minh Toán¹ hay của nhóm tác giả do GS.TS. Nguyễn Thiện Giáp làm chủ biên²,... đã được tái bản nhiều lần, được sử dụng ở nhiều cơ sở đào tạo. Những tài liệu học tập này được xây dựng thành học liệu mở hẳn sẽ dễ dàng tiếp cận hơn với người học và những ai muốn tham khảo.

Đi vào chuyên môn hẹp hơn, chúng tôi muốn nói đến Giáo trình Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam của GS.TS. Trần Trí Dõi, đã được soạn thảo lại trên cơ sở có tham khảo nghiêm túc những nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước, và luôn trích dẫn rõ ràng. Không chỉ sách, các bài viết đã công bố trên tạp chí hay tại hội nghị, hội thảo khoa học, các luận án, luận văn, khóa luận có liên quan cũng được tác giả trích dẫn. Đây là công trình thực sự đã được “biên soạn lại” từ cuốn giáo trình của chính tác giả đã in lần đầu cách đây 15 năm (1999) và tái bản năm 2000. Như thế, chúng ta có thể khẳng định giá trị đích thực của giáo trình này. Giáo trình này không chỉ phục vụ cho sinh viên ngôn ngữ học mà nó cũng đáp ứng nhu cầu tìm hiểu và nghiên cứu về ngôn ngữ nói riêng, về văn hóa các dân tộc thiểu số (DTTS) nói chung của sinh viên các khoa/trường có liên quan cũng như những người muốn tìm hiểu về ngôn ngữ các DTTS ở Việt Nam. Cũng vì thế, giáo trình này nên được xây dựng dưới dạng học liệu mở.

Đáng chú ý là học viên và nghiên cứu sinh theo học tại Học viện không chỉ là cán bộ, viên chức của Viện Hàn lâm. Cùng với sự hoạt động của Học viện được tổ chức ở ba địa điểm (đã nói ở trên), phần

¹ Đỗ Hữu Châu - Bùi Minh Toán, *Đại cương ngôn ngữ học*. Tập 1, Tái bản lần thứ 4. H., Nxb Giáo dục, 2007, 335 tr.

² Nguyễn Thiện Giáp (Chủ biên). Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết (1994). - *Dẫn luận ngôn ngữ học*. H., Nxb. Giáo dục, Tái bản lần 18, 2013, 324 tr.

lớn người học thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, hiện đang làm việc ở các địa phương khác nhau. Do đó, nhu cầu tiếp nhận học liệu mở càng trở nên cấp thiết, khi khả năng truy cập Internet đã sẵn sàng có ở người học hiện nay.

Nói cách khác, thay cho cách làm truyền thống là in lại (tái bản), các giáo trình và tài liệu tham khảo cho đào tạo nên được số hóa và phục vụ học viên theo chế độ tra cứu trực tuyến, không thu tiền, vì người học đã hoặc sẽ trả trong lệ phí theo học.

Tóm lại, xây dựng nền tảng học liệu mở phục vụ cho đào tạo sau đại học của Học viện trước hết là nhiệm vụ của Thư viện Học viện, cần phối hợp và kết hợp với các nguồn dữ liệu điện tử khác, đặc biệt là từ các thư viện chuyên ngành có liên quan đến chương trình và nội dung đào tạo ở Học viện. Đương nhiên, kết quả có được này không chỉ phục vụ riêng cho đào tạo tại Học viện.

3. KẾT LUẬN

Xây dựng nền tảng học liệu mở là một việc cần thiết cho đào tạo sau đại học ở Viện Hàn lâm, nay tập trung ở Học viện. Không phải đi từ số không mà trên cơ sở những gì đang có, đây sẽ là một nhiệm vụ đặt ra cho cả hệ thống thư viện ở Viện Hàn lâm, mà Thư viện KHXXH - do Viện Thông tin KHXXH quản lý - được xác định là cơ quan đứng đầu hệ thống này ⁽¹⁾.

Về chuyên môn, Phòng Nghiệp vụ Thư viện của Viện Thông tin KHXXH – mà tôi đã có may mắn làm việc tại đây (2005-2010) - hẳn là cần phải phối hợp và kết hợp với Thư viện Học viện trong công việc chung là đề xuất chính sách, tạo lập cộng đồng và phát triển giải pháp công nghệ học liệu mở để phục vụ cho nhiệm vụ đào tạo sau đại học của Viện Hàn lâm ngày một tốt hơn.

¹ <http://www.vass.gov.vn/noidung/thuvien/Pages/default.aspx>.

Do cả hai thư viện này không chỉ phục vụ người học và giảng viên trong Học viện, nên khi tại đây có những tài nguyên thông tin đặc thù – trong đó có học liệu mở - thì các thư viện ở Viện Hàn lâm, đặc biệt là Thư viện Học viện sẽ là địa chỉ tìm kiếm dữ liệu tin cậy đối với độc giả, trước hết là các học viên và nghiên cứu sinh trong Học viện, cũng như các học viên và nghiên cứu sinh thuộc lĩnh vực KHXXH ở các cơ sở đào tạo khác trong nước và thế giới – nhất là những người quan tâm đến khảo cứu về Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài viết trên *VietNamNet*: Học liệu mở: Không thể “cơm bưng nước rót” (31/12/2005); Xây dựng “học liệu mở”: Mở cách học mới (10/12/2007); Học liệu mở: Cách mạng về ý tưởng giáo dục ĐH (11/12/2007).v.v...
2. Trần Thị Quý – Đỗ Văn Hùng – Phạm Tiến Toàn (2014), Trong: sách chuyên khảo: Hoạt động thông tin - thư viện với vấn đề đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam // Khoa Thông tin - Thư viện (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. H., Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 494-511).
3. Vương Toàn (2010), Phi tập trung hoá hoạt động thông tin - thư viện và chia sẻ tài nguyên thông tin ở Viện Khoa học Xã hội Việt Nam. “Bản tin Thư viện - Công nghệ thông tin”. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên TP Hồ Chí Minh, tháng 12, tr. 38-43. <http://www.glib.hcmuns.edu.vn/bantin/bt1210/bai6.pdf>.
4. Vương Toàn (2012), Phát triển tài nguyên số để trở thành một thư viện đặc thù (phục vụ đào tạo sau đại học). Bản tin Thư viện - Công nghệ thông tin, tháng 8, tr. tr. 4-9. <http://www.glib.hcmuns.edu.vn/bantin/bt812/Bai2.pdf>.
5. Phạm Đình Trực (2007), - Đa dạng hóa loại hình đào tạo để tận dụng học liệu mở. Trong bài: Xây dựng “học liệu mở”: Mở cách học mới. *VietNamNet* 10/12/2007.